|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Lạng Sơn, ngày tháng 01 năm 2026* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo** **Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức**

**chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng**

**do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, trong đó:

+ Tại điểm a khoản 3 Điều 1 quy định như sau:

*“… Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định* ***tỷ lệ chi phí quản lý*** *tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương, bảo đảm trong phạm vi dự toán được giao cho công tác quản lý của địa phương.”*

+ Tại điểm b khoản 3 Điều 1 quy định như sau:

Sửa đổi điểm e như sau: *“e)* ***Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp*** *do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương”.*

Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất của điểm g như sau: *“****Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả*** *được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương”.*

**2. Cơ sở thực tiễn**

***2.1. Kết quả thực hiện việc sử dụng chi phí quản lý***

Trong những năm qua, việc quản lý và sử dụng ngân sách để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Theo đó, tỷ lệ chi phí quản lý tối đa được giao cho tỉnh Lạng Sơn là 6,79% trên tổng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi, theo Quyết định số 206/QĐ-LĐTBXH ngày 11/3/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trên cơ sở số lượng đối tượng người có công và điều kiện thực tế của từng địa bàn, hằng năm Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi phí quản lý cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách.

Kết quả thực hiện sử dụng chi phí quản lý trong 04 năm gần đây cho thấy nguồn kinh phí này đã cơ bản đáp ứng yêu cầu chi cho công tác quản lý, chi trả, theo dõi, kiểm tra, cập nhật hồ sơ, dữ liệu người có công; góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, bảo đảm chi trả đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ theo quy định của pháp luật.

Kết quả thực hiện việc sử dụng chi phí quản lý trong 04 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng kinh phí thực hiện** | **Sở Lao động - Thương binh và Xã hội[[1]](#footnote-1)** | | **Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội[[2]](#footnote-2)** | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ %** | **Kinh phí** | **Tỷ lệ %** |
| 2022 | 7.973.153.129 | 1.306.426.800 | 16,385 | 6.666.726.329 | 83,615 |
| 2023 | 8.961.263.500 | 2.853.682.800 | 31,845 | 6.107.580.700 | 68,155 |
| 2024 | 7.150.467.829 | 1.293.214.600 | 18,086 | 5.857.253.229 | 81,914 |
| 2025 | 8.550.000.000 | 1.750.000.000 | 20,468 | 6.800.000.000 | 79,532 |
| **Bình quân** | | | **21,7** |  | **78,3** |

Việc phân bổ tỷ lệ chi phí quản lý cho các huyện, thành phố trong thời gian qua cơ bản đã đáp ứng yêu cầu thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính – kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Tuy nhiên, trong bối cảnh tổ chức bộ máy được sắp xếp theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu chuyển đổi số, chuẩn hóa dữ liệu người có công, tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao chất lượng phục vụ đối tượng ngày càng cao, mức chi phí quản lý hiện hành bộc lộ một số hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ mới.

Kể từ ngày 01/7/2025, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hầu hết các xã, phường hiện nay chỉ quản lý số lượng rất nhỏ người có công (đa số dưới 50 người), dẫn đến nhiều nội dung chi phí quản lý theo cơ chế cũ không còn phù hợp hoặc không còn phát sinh ở cấp xã, như: chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; sơ kết, tổng kết, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ; học tập, trao đổi kinh nghiệm; công tác kiểm tra, giám sát; chi hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý tài chính, quản lý hồ sơ, dữ liệu người có công, công tác quản lý mộ liệt sĩ; chi tiếp đón, phục vụ người có công và thân nhân người có công…

Theo mô hình tổ chức mới, các nội dung chi phí quản lý có tính chất chuyên môn, tổng hợp, liên thông nêu trên được giao Sở Nội vụ chủ trì, thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh, thay vì phân tán tại cấp xã như trước đây.

Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là cần thiết, có căn cứ pháp lý và phù hợp với thực tiễn tổ chức bộ máy, yêu cầu quản lý và triển khai chính sách trong giai đoạn mới.

***2.2. Về mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả***

Từ năm 2023 trở lại đây, việc chi trả trợ cấp ưu đãi hằng tháng đối với người có công với cách mạng được giao cho công chức Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội (nay là công chức phụ trách lĩnh vực Văn hóa – Xã hội cấp xã) trực tiếp thực hiện. Định mức chi trả thù lao được xác định theo khoảng cách địa lý từ trung tâm hành chính cấp huyện (trước đây), cụ thể:

- Đối với các xã, thị trấn có cự ly dưới 15 km tính từ trung tâm huyện, mức chi thù lao bằng 30% tổng mức chi phí quản lý được giao của toàn tỉnh trên tổng số tiền thực chi trả các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

- Đối với các xã, thị trấn có cự ly từ 15 km trở lên tính từ trung tâm huyện, mức chi thù lao bằng 35% tổng mức chi phí quản lý được giao của toàn tỉnh trên tổng số tiền thực chi trả các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Hiện nay, có 22 xã, phường giao cho công chức Phòng Văn hóa – Xã hội cấp xã trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chi trả trợ cấp ưu đãi người có công, với tổng số 330 đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng, tổng kinh phí chi trả khoảng 1.060 triệu đồng/tháng, tương ứng kinh phí chi thù lao cho lực lượng thực hiện chi trả khoảng 21,5 triệu đồng/tháng.

***2.3.*** ***Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả***

Mức chi phí cho tổ chức dịch vụ chi trả hiện nay đang triển khai trên địa bàn tỉnh bằng 2,6% trên tổng kinh phí thực tế chi trả các chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hàng tháng. Có 32 xã, phường đang ký hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả (hệ thống Bưu điện) để thực hiện chi trả cho tổng số 843 người, tổng kinh phí chi trả cho đối tượng là 2.650 triệu đồng/tháng, chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả là 68,9 triệu đồng/tháng.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ[[3]](#footnote-3), Bộ Nội vụ[[4]](#footnote-4), UBND tỉnh[[5]](#footnote-5) về đẩy mạnh chi trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt và qua tổ chức dịch vụ chi trả, hiện nay tỷ lệ chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh chiếm 64,8% (chuyển trợ cấp vào tài khoản cá nhân người thụ hưởng), tuy nhiên việc thực hiện chi trả trợ cấp cho các đối tượng vẫn đang thực hiện bằng cả hình thức chi trả trực tiếp bằng tiền mặt[[6]](#footnote-6) (do công chức xã hoặc tổ chức dịch vụ chi trả thực hiện). Nguyên nhân do cơ sở vật chất của một số xã chưa đảm bảo, chưa có hệ thống cây rút tiền, khoảng cách từ hộ gia đình đến các ngân hàng thương mại xa, một số đối tượng người có công già yếu, không có thân nhân nhận trợ cấp thay phải trực tiếp chi trả tại nhà… Trong thời gian tới việc thực hiện chi trả trợ cấp cho các đối tượng vẫn phải thực hiện qua hai hình thức nêu trên.

Trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành[[7]](#footnote-7) và yêu cầu thực tiễn, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo trình tự, thủ tục rút gọn là rất cần thiết và đúng thẩm quyền quy định.

**III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích xây dựng dự thảo Nghị quyết**

- Cụ thể hóa quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tạo hành lang pháp lý đầy đủ, toàn diện trong việc sử dụng kinh phí để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức chi trả chế độ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác thực hiện chính sách, chế độ đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được thực hiện theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; không phát sinh thủ tục hành chính.

**IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này Quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**3. Bố cục, nội dung dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 điều, cụ thể:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**Điều 2. Tỷ lệ chi phí quản lý**

1. Các xã, phường có tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên dưới 100 đối tượng: Cấp tỉnh bằng 30%; cấp xã bằng 70% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh.

2. Các xã, phường có tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên dưới 200 đối tượng: Cấp tỉnh bằng 40%; cấp xã bằng 60% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh.

3. Các xã, phường có tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên trên 200 đối tượng: Cấp tỉnh bằng 50%; cấp xã bằng 50% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh.

**Điều 3. Mức chi phí chi trả**

1. Mức thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp bằng 20% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của xã, phường.

2. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp: Bằng 3% trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng thuộc xã, phường.

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí hằng năm trong dự toán ngân sách trung ương đảm bảo theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Lạng Sơn.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp chuyên đề tháng 02 năm 2026.

*(Gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và các văn bản có liên quan).*

UBND tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho chủ trương để UBND tỉnh triển khai thực hiện theo quy định./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;  - Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính;  - C, PCVP, các phòng CM,  Trung tâm Thông tin;  - Lưu: VT, KGVX(NCD). |  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Trần Thanh Nhàn** |

1. Từ 01/3/2025 là Sở Nội vụ; [↑](#footnote-ref-1)
2. Từ 01/7/2025 là Phòng Văn hóa - Xã hội, UBND các xã, phường. [↑](#footnote-ref-2)
3. Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 23/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt, từ năm 2023 đến năm 2024. [↑](#footnote-ref-3)
4. Công văn số 5234/LĐTBXH-TTTT ngày 23/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn; Công văn số 388/LĐTBXH-CNTT ngày 22/01/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tăng cường thực hiện chi trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách; Công văn số 1698/BNV-TTCNTT ngày 24/4/2025 của Bộ Nội vụ về việc tăng cường thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt đến đối tượng người có công với cách mạng. [↑](#footnote-ref-4)
5. Công văn số 2631/VP-KGVX ngày 25/4/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt đến đối tượng người có công với cách mạng; Công văn số 2438/UBND-KGVX ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh về đẩy mạnh chi trả trợ cấp ưu đãi đối với người có công theo phương thức không dùng tiền mặt và qua tổ chức dịch vụ chi trả. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tỷ lệ chi trả trợ cấp bằng tiền mặt chiếm 35,2%. [↑](#footnote-ref-6)
7. Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; ý kiến chỉ đạo của Bộ Nội vụ. [↑](#footnote-ref-7)